NGHỊ ĐỊNH THƯ

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA SÉC

THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ SÉC VỀ NHẬN TRỞ LẠI CÔNG DÂN HAI NƯỚC

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Séc (dưới đây gọi tắt là "các Bên ký kết"),

Vì mục đích thực hiện Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Séc về nhận trở lại công dân hai nước (dưới đây gọi tắt là "Hiệp định"),

Căn cứ Điều 8 của Hiệp định,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1
Giấy tờ và cách thức chứng minh quốc tịch

(1) Vì mục đích thực hiện Hiệp định, quốc tịch của nước Bên ký kết được yêu cầu có thể được chứng minh bằng một trong những giấy tờ còn giá trị dưới đây:

Đối với công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

a) Giấy tờ đi lại (hộ chiếu, giấy thông hành);

b) Giấy chứng minh nhân dân Việt Nam;

c) Giấy chứng nhận có quốc tịch Việt Nam;

d) Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam hoặc cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

Đối với công dân Cộng hoà Séc:

a) Giấy tờ đi lại (hộ chiếu, hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu khẩn cấp);

b) chứng minh thư Cộng hòa Séc;

(2) Quốc tịch cho là được chứng minh nếu cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết được yêu cầu đã xác minh trên cơ sở các loại giấy tờ liệt kê dưới đây:

a) Một trong những giấy tờ đã hết giá trị liệt kê tại khoản 1 nói trên;

b) Bản sao một trong những giấy tờ liệt kê tại khoản 1 nói trên;

c) Đối với công dân Cộng hòa Séc, chứng minh thư đã hết giá trị của Cộng hòa Tiệp Khắc, hoặc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc, hoặc Liên bang Cộng hòa Séc và Xlô-va-ki-a khẳng định quốc tịch Cộng hòa Séc;

d) Đối với công dân Cộng hoà Séc: chứng nhận hoặc sự xác nhận quốc tịch;

e) Giấy khai sinh;

f) Thẻ quân nhận;

g) Giấy phép lái xe;

h) Sổ thuyền viên;

i) Đối với công dân Cộng hòa Séc: giấy tờ xác nhận khả năng pháp lý dùng cho việc kết hôn, khẳng định quốc tịch Cộng hòa Séc;

j) Bản tự khai của người được đề nghị nhận trở lại làm tại cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết yêu cầu; trong trường hợp người đó từ chối điền vào Bản tự khai, sẽ thay bằng một biên bản viết lập bởi cơ quan có thẩm quyền trên cơ sở những thông tin có được;

k) Đối với công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: sổ hộ khẩu;

l) Các giấy tờ khác mà Bên ký kết được yêu cầu thừa nhận trong từng trường hợp cụ thể.

Điều 2
Cách thức thông báo và liên hệ

(1) Đề nghị nhận trở lại theo Điều 3 Hiệp định và trả lời đề nghị nhận trở lại, thông báo nhận trở lại theo Điều 4 Hiệp định và giấy tờ đi lại cấp cho người trở về sẽ được gửi qua Đại sứ quán nước Bên ký kết yêu cầu trên lãnh

thổ nước Bên ký kết được yêu cầu. Các thông báo và liên hệ khác liên quan đến việc thực hiện Hiệp định sẽ được các cơ quan có thẩm quyền trao đổi trực tiếp.

(2) Mẫu đề nghị nhận trở lại theo Điều 3 Hiệp định, thông báo nhận trở lại theo Điều 4 Hiệp định, Bản tự khai nêu tại khoản 2 Điều 3 Hiệp định và Biên bản nhận trở lại nêu tại Điều 5 Hiệp định được đính kèm theo Nghị định thư này lần lượt thành Phụ lục 1, 2, 3, và 4.

Điều 3
Chuyển giao người trở về

Cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết yêu cầu sẽ khẳng định việc chuyển giao người trở về trước ít nhất 10 ngày, đồng thời thông báo các thông tin liên quan chuyến bay dự kiến và thông tin về người đi kèm đối với những trường hợp nhận trở lại nêu tại khoản 2, Điều 5 Hiệp định.

Điều 4
Cơ quan có thẩm quyền thực hiện Hiệp định

(1) Các cơ quan có thẩm quyền giải quyết đề nghị nhận trở lại theo Điều 3 và thông báo nhận trở lại theo Điều 4 Hiệp định là:

Bên Việt Nam:

Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an
40A Hàng Bài, Hà Nội
Tel: + 84 48 24 50 55; + 84 48 26 09 22
Fax: + 84 48 24 32 87; + 84 48 24 32 88
E-mail: Vnimm@hnn.vnn.vn

Bên Séc:
Cục Cảnh sát biên giới và nước ngoài, Cơ quan cảnh sát Cộng hoà Séc
Olsanská 2, P.O Box 78
130 51 Praha 3
Điện thoại: + 420 974 841 826
Fax: + 420 974 841 839
E-mail: cocpp@mvcr.cz

(2) Trong trường hợp có thay đổi về tên, địa chỉ, số điện thoại hay số fax, các cơ quan có thẩm quyền nêu tại khoản 1 nói trên sẽ thông báo ngay cho nhau những thay đổi này.

Điều 5
Các cửa khẩu được chỉ định cho việc thực hiện Hiệp định

Việc nhận trở lại công dân được thực hiện tại các cửa khẩu dưới đây:

Bên Việt Nam : Sân bay quốc tế Nội Bài, Hà Nội hoặc
Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Tp. Hồ Chí Minh

Bên Séc : Sân bay Prague-Ruzyne.

Điều khoản cuối cùng

Điều 6

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, các Bên ký kết sẽ trao đổi mẫu các giấy tờ chứng minh quốc tịch của các Bên ký kết.

Điều 7

(1) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền của các Bên ký kết sẽ tiến hành tham vấn về việc thực hiện Hiệp định và Nghị định thư này. Đề nghị tham vấn sẽ được một Bên ký kết gửi đến Bên ký kết kia qua đường ngoại giao.

(2) Khi thực hiện Hiệp định và Nghị định thư này, các cơ quan có thẩm quyền sẽ sử dụng tiếng Anh để trao đổi, trừ trường hợp cụ thể có thoả thuận khác.

Điều 8

(1) Nghị định thư này sẽ có hiệu lực đồng thời với Hiệp định.

(2) Nghị định thư này sẽ hết hiệu lực đồng thời với việc hết hiệu lực của Hiệp định.

Nghị định thư này được làm tại Praha, ngày 12 tháng 9 năm 2017, thành hai bản gốc; mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Séc và tiếng Anh; tất cả các văn bản có giá trị như nhau. Trong

trường hợp có sự khác nhau khi giải thích, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng để đối chiếu.

Thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	**Thay mặt Chính phủ nước Cộng hoà Séc**
Đào Việt Trung Thứ trưởng Bộ Ngoại giao	Len-ka Pô-ta-chô-kô-va Mê-li-kha-rô-va Thứ trưởng Bộ Nội vụ đặc trách các vấn đề Châu Âu

Phụ lục 1

ĐỀ NGHỊ NHẬN TRỞ LẠI CÔNG DÂN CỦA NƯỚC BÊN KÝ KẾT

Cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết yêu cầu:

Số: Ngày:
Số tờ: Giấy tờ kèm theo:

Cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết được yêu cầu:

Đề nghị nhận trở lại theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hoà Séc về nhận trở lại công dân hai nước

a) Họ tên, ngày sinh, nơi sinh, giới tính, quốc tịch và nơi thường trú cuối cùng trên lãnh thổ nước Bên ký kết được yêu cầu.

1. .....
2. .....
3. .....

b) Loại, số, nơi cấp và thời hạn của giấy tờ chứng minh quốc tịch hoặc dùng để tham khảo xác định quốc tịch nước Bên ký kết được yêu cầu của công dân được đề nghị nhận trở lại.

1. .....
2. .....
3. .....

c) Ngày và cách thức nhập cảnh lãnh thổ nước Bên ký kết yêu cầu, nếu biết.

1. .....
2. .....
3. .....

d) Dữ liệu khẳng định việc công dân được đề nghị nhận trở lại không đáp ứng hoặc không còn đáp ứng những điều kiện được áp dụng cho việc nhập cảnh và cư trú trên lãnh thổ của nước Bên ký kết yêu cầu (trích dẫn quyết định trục xuất).

1. .....
2. .....
3. .....

e) Chỉ dẫn về việc công dân được đề nghị nhận trở lại cần có sự giúp đỡ đặc biệt, chữa trị hoặc chăm sóc ví lý do sức khỏe hoặc tuổi tác.

1. .....
2. .....
3. .....

f) Chỉ dẫn về sự cần thiết phải có các biện pháp bảo vệ hoặc an ninh.

1. .....
2. .....
3. .....

g) Dự kiến địa điểm, thời gian và cách thức chuyển giao

Người tham gia: họ tên, số điện thoại, số fax.
Viên chức chịu trách nhiệm: họ tên, số điện thoại, số fax

Quyết định của Bên ký kết được yêu cầu:
Đồng ý: Từ chối:
Lý do từ chối:
Viên chức chịu trách nhiệm: họ tên, số điện thoại, số fax.

Phụ lục 2

THÔNG BÁO NHẬN TRỞ LẠI CÔNG DÂN CỦA NƯỚC BÊN KÝ KẾT

Cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết yêu cầu:

Số: Ngày:
Số tờ: Giấy tờ kèm theo:

Cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết được yêu cầu:

Thông báo nhận trở lại theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hoà Séc về nhận trở lại công dân hai nước

a) Họ tên, ngày sinh, nơi sinh, giới tính, quốc tịch và nơi thường trú cuối cùng trên lãnh thổ nước Bên ký kết được yêu cầu.

1. .....
2. .....
3. .....

b) Loại, số, nơi cấp và thời hạn của giấy tờ chứng minh quốc tịch nước Bên ký kết được yêu cầu của công dân được đề nghị nhận trở lại.

1. .....
2. .....
3. .....

c) Ngày và cách thức nhập cảnh lãnh thổ nước Bên ký kết yêu cầu, nếu biết.

1. .....
2. .....
3. .....

d) Dữ liệu khẳng định việc công dân được đề nghị nhận trở lại không đáp ứng hoặc không còn đáp ứng những điều kiện được áp dụng cho việc nhập cảnh và cư trú trên lãnh thổ của nước Bên ký kết yêu cầu (trích dẫn quyết định trục xuất).

1. .....
2. .....
3. .....

e) Chỉ dẫn về việc công dân được đề nghị nhận trở lại cần có sự giúp đỡ đặc biệt, chữa trị hoặc chăm sóc ví lý do sức khỏe hoặc tuổi tác.

1. .....
2. .....
3. .....

f) Chỉ dẫn về sự cần thiết phải có biện pháp bảo vệ hoặc an ninh.

1. .....
2. .....
3. .....

g) Địa điểm, thời gian và cách thức chuyển giao

Người tham gia: họ tên, số điện thoại, số fax.
Viên chức chịu trách nhiệm: họ tên, số điện thoại, số fax

Phụ lục 3

BẢN TỰ KHAI

Bản tự khai theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hoà Séc về nhận trở lại công dân hai nước

ảnh
(Cỡ 3,5cm x 4,5 cm mặt nhìn thẳng, đầu để trần)

1. Họ tên khai sinh *(viết chữ in hoa)*:

- Các tên khác *(nếu có)*:

- Giới tính: Nam, nữ[1]

- Ngày sinh: - Quốc tịch gốc:

- Nơi sinh : - Quốc tịch hiện nay:

2. Địa chỉ thường trú trước khi rời Việt Nam/Cộng hoà Séc[1] *(nếu có thì ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh, hoặc số nhà, đường phố, phường, quận, thành phố)*:

3. Rời Việt Nam/Cộng hoà Séc[1] ngày:

- Bằng phương tiện:

- Mục đích:

- Mang hộ chiếu hoặc giấy thông hành số: Cấp ngày:
  Cơ quan cấp:

4. Đến Cộng hoà Séc/Việt Nam[1] ngày:

- Bằng phương tiện:

- Mục đích:

- Mang hộ chiếu hoặc giấy thông hành số: Cấp ngày:

Cơ quan cấp:

5. Địa chỉ hiện tại ở Cộng hoà Séc/Việt Nam[1] :

- Giấy tờ tuỳ thân loại: Cấp ngày:
  Cơ quan cấp:

6. Thân nhân ruột thịt ở Việt Nam hoặc Cộng hoà Séc (*cha, mẹ, vợ, chồng, con*):

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Quốc Tịch	Quan hệ	Địa chỉ thường trú

7. Khi trở về Việt Nam/Cộng hoà Séc[1] dự định sinh sống tại địa chỉ (*thôn xã, huyện, tỉnh, hoặc số nhà, đường phố, phường, quận, thành phố*):

8. Những điều muốn khai thêm:

Khai tại ngày tháng năm

Người khai

(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền[2]:

- Ảnh dán ở Bản tự khai này là ảnh của người được biết với họ tên là.....
- Đương sự từ chối điền vào Bản tự khai này,
- Bản tự khai này do cơ quan có thẩm quyền điền trên cơ sở những thông tin có sẵn.

(ký tên và đóng dấu)

---

[1] Không cần thiết thì gạch bỏ

[2] Cơ quan có thẩm quyền điền trong trường hợp đương sự từ chối điền vào Bản tự khai.

Ghi chú: Mỗi người khai 02 bản

Phụ lục 4

BIÊN BẢN NHẬN TRỞ LẠI

Cơ quan Bên ký kết yêu cầu:

Số:

Cơ quan Bên ký kết được yêu cầu:

Biên bản nhận trở lại theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hoà Séc về nhận trở lại công dân hai nước

a) Họ tên, ngày sinh, nơi sinh, giới tính, quốc tịch, quan hệ gia đình.

1. .....
2. .....
3. .....

b) Tài sản cá nhân, tiền được người trở về mang theo.

1. .....
2. .....
3. .....

c) Tình trạng sức khoẻ của người trở về.

(Ngày).....
(Địa điểm).....

Thay mặt Cơ quan Bên ký kết yêu cầu	Thay mặt Cơ quan Bên ký kết được yêu cầu
Họ, tên:	Họ, tên:
Chức vụ:	Chức vụ:
Ký tên:	Ký tên:

Protokol
mezi
vládou Vietnamské socialistické republiky
a
vládou České republiky

k provádění Dohody mezi vládou Vietnamské socialistické republiky a vládou České republiky o předávání a přebírání občanů obou států

Vláda Vietnamské socialistické republiky a vláda České republiky (dále jen „smluvní strany"),

za účelem provádění Dohody mezi vládou Vietnamské socialistické republiky a vládou České republiky o předávání a přebírání státních občanů obou států (dále jen „Dohoda"),

se v souladu s článkem 8 Dohody

dohodly takto:

Článek 1
Doklady a jiné prostředky prokazující státní občanství

(1) Pro účely provádění Dohody se občanství státu žádané smluvní strany prokazuje jedním z následujících platných dokladů:

v případě občanů Vietnamské socialistické republiky:

a) cestovním dokladem (cestovní pas, propustka),
b) vietnamským průkazem totožnosti,
c) osvědčením o vietnamském státním občanství,
d) rozhodnutím o udělení vietnamského státního občanství nebo o jeho navrácení;

v případě občanů České republiky:

a) cestovním dokladem (cestovní pas, diplomatický pas, služební pas, cestovní průkaz),
b) občanským průkazem České republiky.

(2) Státní občanství se považuje za prokázané, jestliže je ověřeno příslušným orgánem žádané smluvní strany na základě kteréhokoli z níže uvedených dokladů:

a) některého z dokladů uvedených v odstavci 1 tohoto článku, jehož doba platnosti uplynula,

b) kopie některého z dokladů uvedených v odstavci 1 tohoto článku,
c) v případě občanů České republiky občanského průkazu Československé republiky, Československé socialistické republiky nebo České a Slovenské Federativní Republiky s vyznačeným občanstvím České republiky, jehož doba platnosti uplynula,
d) v případě občanů České republiky osvědčení nebo potvrzení o státním občanství,
e) rodného listu,
f) vojenské knížky,
g) řidičského průkazu,
h) námořnické knížky,
i) v případě občanů České republiky osvědčení o právní způsobilosti k uzavření manželství, je-li v něm uveden údaj o občanství České republiky,
j) prohlášení předávané osoby učiněného před orgánem žádající smluvní strany; v případě, že předávaná osoba odmítne vyplnit toto prohlášení, písemného záznamu příslušného orgánu obsahujícího dostupné informace,
k) v případě státních občanů Vietnamské socialistické republiky domovské knížky,
l) jiného dokladu, který v konkrétním případě uzná žádaná smluvní strana.

Článek 2
Způsob vyrozumívání a komunikace

(1) Žádosti o převzetí podle článku 3 Dohody a odpovědi na ně, oznámení o předání podle článku 4 Dohody a cestovní doklady vydané předávaným osobám se posílají cestou velvyslanectví státu žádající smluvní strany na území státu žádané smluvní strany. Všechna další oznámení a komunikace týkající se provádění Dohody se uskutečňují přímo mezi příslušnými orgány.

(2) Vzory žádosti o převzetí podle článku 3 Dohody, oznámení o předání podle článku 4 Dohody, prohlášení předávané osoby podle článku 3 odst. 2 Dohody a záznam o předání a převzetí uvedený v článku 5 Dohody tvoří přílohy 1, 2, 3 a 4 tohoto protokolu v příslušném pořadí.

Článek 3
Převzetí předávané osoby

Příslušný orgán žádající smluvní strany potvrdí předání předávané osoby alespoň 10 dnů předem. Zároveň zašle všechny informace týkající se plánovaného letu a v případě předání a převzetí podle článku 5 odst. 2 Dohody informace o doprovodu.

Článek 4
Orgány příslušné k provádění Dohody

(1) Orgány příslušnými k vyřizování žádostí podle článku 3 Dohody a oznámení podle článku 4 Dohody jsou:

na vietnamské straně:

Ministerstvo veřejné bezpečnosti
Imigrační odbor
40 A Hang Bai St., Hanoj, Vietnam
Telefon: +84 4 824 5055, 84 4 826 0922
Fax: +84 4 824 3288, 84 4 824 3287
Email: Vnimm@hn.vnn.vn

na české straně:

Policie České republiky
Ředitelství služby cizinecké a pohraniční policie
Olšanská 2, poštovní schránka 78
130 51 Praha 3
Telefon: +420 974 841 826
Fax: +420 974 841 839
Email: cocpp@mvcr.cz

(2) Orgány uvedené v odstavci 1 tohoto článku se vzájemně neprodleně informují o změnách ve svém názvu, adrese a telefonním a faxovém spojení.

Článek 5
Hraniční přechody určené k provádění Dohody

Předávání a přebírání státních občanů se uskutečňuje na následující hraničních přechodech:

na vietnamské straně: mezinárodní letiště Noi Bai, Hanoj nebo
mezinárodní letiště Tan Son Nhat, Ho Či Minovo Město,

na české straně: letiště Praha-Ruzyně

Závěrečná ustanovení

Článek 6

Smluvní strany si do třiceti dnů po vstupu Dohody v platnost vymění vzory dokumentů, jimiž se prokazuje státní občanství států smluvních stran.

Článek 7

(1) V případě, že je to nezbytné, příslušné orgány smluvních stran uskutečňují konzultace týkající se provádění Dohody a tohoto protokolu. Žádost o konzultaci je zasílána druhé smluvní straně diplomatickou cestou.

(2) Při provádění Dohody a tohoto protokolu používají příslušné orgány ve vzájemném styku anglický jazyk, pokud není v konkrétním případě dohodnuto jinak.

Článek 8

(1) Tento protokol vstoupí v platnost současně s Dohodou.

(2) Platnost tohoto protokolu skončí současně se skončením platnosti Dohody.

Dáno v Praze dne 12. září 2007, ve dvou původních vyhotoveních, každé v jazyce vietnamském, českém a anglickém, přičemž všechny texty jsou stejně autentické. V případě rozdílností ve výkladu je rozhodující znění v anglickém jazyce.

Za vládu
Vietnamské socialistické republiky

Dao Viet Trung

Za vládu
České republiky

Lenka Ptáčková Melickarová

Příloha č. 1

ŽÁDOST O PŘEVZETÍ OBČANA STÁTU SMLUVNÍ STRANY

Orgán žádající smluvní strany:
Číslo jednací:

Datum:
Počet listů:
Přílohy:

Orgán žádané smluvní strany:

Žádost o převzetí dle Dohody mezi vládou Vietnamské socialistické republiky a vládou České republiky o předávání a přebírání občanů obou států

a) Jméno, příjmení, datum a místo narození, pohlaví, státní občanství a poslední místo pobytu na území státu žádané smluvní strany

1. .....
2. .....
3. .....

b) Druh, číslo, místo vydání a údaj o platnosti dokladu, kterým se prokazuje občanství státu žádané smluvní strany předávaného občana nebo který byl použit jako základ pro ověření tohoto občánství

1. .....
2. .....
3. .....

c) Datum a způsob vstupu na území státu žádající smluvní strany, pokud jsou známy

1. .....
2. .....
3. .....

d) Údaje potvrzující skutečnost, že předávaný občan nesplňuje nebo přestal splňovat platné podmínky pro vstup nebo pobyt na území státu žádající smluvní strany (výňatek z rozhodnutí o vyhoštění)

1. .....
2. .....
3. .....

e) Informace o případné potřebě zvláštní pomoci, ošetřování nebo péče o předávaného občana, vzhledem k jeho zdravotnímu stavu nebo věku

1. .....
2. .....

3. .....

f) Informace o případné potřebě ochranných nebo bezpečnostních opatření

1. .....
2. .....
3. .....

g) Navrhované místo, čas a způsob předání

Vyřizuje: jméno, příjmení, telefon, fax

Odpovědný funkcionář: jméno, příjmení, telefon, fax

Rozhodnutí žádané smluvní strany Souhlas: Zamítnutí:

Důvody zamítnutí žádosti:

Odpovědný funkcionář: jméno, příjmení, telefon, fax

Příloha č. 2

OZNÁMENÍ O PŘEDÁNÍ OBČANA STÁTU SMLUVNÍ STRANY

Orgán (útvar) žádající smluvní strany:
Číslo jednací:

Datum:
Počet listů:
Přílohy:

Orgán (útvar) žádané smluvní strany:

Oznámení o předání dle Dohody mezi vládou Vietnamské socialistické republiky a vládou České republiky o předávání a přebírání občanů obou států

a) Jméno, příjmení, datum a místo narození, pohlaví, státní občanství a poslední místo pobytu na území státu žádané smluvní strany

1. .....
2. .....
3. .....

b) Druh, číslo, místo vydání a údaj o platnosti dokladu, kterým se prokazuje občanství státu žádané smluvní strany předávaného občana

1. .....
2. .....
3. .....

c) Datum a způsob vstupu na území státu žádající smluvní strany, pokud jsou známy

1. .....
2. .....
3. .....

d) Údaje potvrzující skutečnost, že předávaný občan nesplňuje nebo přestal splňovat platné podmínky pro vstup nebo pobyt na území státu žádající smluvní strany (výňatek z rozhodnutí o vyhoštění)

1. .....
2. .....
3. .....

e) Informace o případné potřebě zvláštní pomoci, ošetřování nebo péče o předávaného občana, vzhledem k jeho zdravotnímu stavu nebo věku

1. .....
2. .....

2. .....
3. .....

f) Informace o případné potřebě ochranných nebo bezpečnostních opatření

1. .....
2. .....
3. .....

g) Místo a termín předání osoby

Vyřizuje: jméno, příjmení, telefon, fax

Odpovědný funkcionář: jméno, příjmení, telefon, fax

Příloha č. 3

PROHLÁŠENÍ PŘEDÁVANÉ OSOBY

Prohlášení předávané osoby na základě Dohody mezi vládou Vietnamské socialistické republiky a vládou České republiky o předávání a přebírání občanů obou státnů

Fotografie

(3,5 cm x 4,5 cm bez pokrývky hlavy)

1. Celé jméno *(hůlkovým písmem)*:

Další jméno *(pokud existuje)*:

Pohlaví: muž, žena[1]

Datum narození: Státní občanství při narození:

Místo narození: Státní občanství v současnosti:

2. Adresa trvalého bydliště před vycestováním z České republiky/Vietnamu[1], *(pokud existovala) (uveďte osadu, obec, okres, provincii nebo číslo domu, ulici, čtvrť, obvod, město)*

3. Vycestování z České republiky/Vietnamu[1] dne:

Dopravní prostředek:

Účel odchodu:

Číslo pasu nebo propustky:
Datum vydání: Vydal:

4. Přicestování do Vietnamu/České republiky[1] dne:

Dopravní prostředek:

Příloha č. 3

PROHLÁŠENÍ PŘEDÁVANÉ OSOBY

Prohlášení předávané osoby na základě Dohody mezi vládou Vietnamské socialistické republiky a vládou České republiky o předávání a přebírání občanů obou státnů

Fotografie

(3,5 cm x 4,5 cm bez pokrývky hlavy)

1. Celé jméno *(hůlkovým písmem)*:

Další jméno *(pokud existuje)*:

Pohlaví: muž, žena[1]

Datum narození: Státní občanství při narození:

Místo narození: Státní občanství v současnosti:

2. Adresa trvalého bydliště před vycestováním z České republiky/Vietnamu[1], *(pokud existovala) (uveďte osadu, obec, okres, provincii nebo číslo domu, ulici, čtvrť, obvod, město)*

3. Vycestování z České republiky/Vietnamu[1] dne:

Dopravní prostředek:

Účel odchodu:

Číslo pasu nebo propustky:
Datum vydání: Vydal:

4. Přicestování do Vietnamu/České republiky[1] dne:

Dopravní prostředek:

Účel vstupu:

Číslo pasu nebo propustky:
Datum vydání: Vydal:

5. Současná adresa ve Vietnamu/České republice[1]

Doklady totožnosti:
Datum vydání: Vydal:

6. Příbuzní v České republice nebo ve Vietnamu (rodiče, manžel/manželka, děti)

Číslo	Celé jméno	Datum narození	Státní občanství	Příbuzenský vztah	Adresa trvalého bydliště

7. Předpokládaná adresa v České republice/Vietnamu[1] po návratu (*uveďte osadu, obec, okres, provincii nebo číslo domu, ulici, čtvrť, obvod, město)*

8. Další informace

Dáno v ..... dne .....

(Podpis a celé jméno)

Tímto se potvrzuje, že:[2]
- fotografie přiložené k tomuto prohlášení jsou fotografiemi osoby, o jejíž předání je žádáno a která je známá jako (celé jméno)
.....
- tato osoba odmítá vyplnit toto prohlášení,
- toto prohlášení vyplnil příslušný orgán na základě dostupných informací

(Podpis a razítko)

---

[1] Nehodící se škrtněte.
[2] Vyplní příslušný orgán v případě, že osoba odmítá vyplnit toto prohlášení.
Pozn. Vyplňují se 2 kopie

Příloha č. 4

ZÁZNAM O PŘEDÁNÍ A PŘEVZETÍ

Orgán (útvar) žádající smluvní strany
Číslo jednací

Orgán žádané smluvní strany

Protokol o předání a převzetí podle Dohody mezi vládou Vietnamské socialistické republiky a vládou České republiky o předávání a přebírání občanů obou států

a) Jméno, příjmení, datum a místo narození, pohlaví, státní občanství, příbuzenský vztah

1. .....
2. .....
3. .....

b) Seznam osobních předmětů a peněžních prostředků, které má předávaná osoba u sebe

1. .....
2. .....
3. .....

c) Zdravotní stav předávané osoby

(Datum) .....
(Místo).....

Za orgán žádající smluvní strany
Jméno:
Příjmení:
Funkce :
Podpis:

Za orgán žádané smluvní strany
Jméno:
Příjmení:
Funkce:
Podpis:

PROTOCOL
between
the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Czech Republic Implementing the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Czech Republic on the readmission of citizens of both States

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Czech Republic (hereinafter referred to as "Contracting Parties"),

For the purpose of implementing the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Czech Republic on the readmission of citizens of both states (hereinafter referred to as "Agreement"),

In accordance with Article 8 of the Agreement,

Have agreed as follows:

Article 1
Documents and other means proving citizenship

(1) For the purpose of implementing the Agreement, citizenship of the State of the requested Contracting Party can be proved by one of the following valid documents:

As regards citizens of the Socialist Republic Vietnam:

a) a travel document (passport, laissez-passer);
b) a Vietnamese identity card;
c) a Certificate of Vietnamese citizenship;
d) a Decision on naturalization or on restoration of Vietnamese citizenship.

As regards citizens of the Czech Republic:

a) a travel document (passport, diplomatic passport, service passport, emergency passport);
b) an identity card of the Czech Republic;

(2) The citizenship is considered to be proved if, on the basis of any documents listed bellow, the citizenship is verified by the competent authority of the requested Contracting Party:

a) one of the documents as listed in paragraph 1 above the validity of which has expired;

b) a copy of one of the documents listed in paragraph 1 above;

c) in the case of citizens of the Czech Republic: an identity card of the Czechoslovak Republic or the Czechoslovak Socialist Republic or the Czech and Slovak Federal Republic, indicating citizenship of the Czech Republic, the validity of which has expired;

d) in the case of citizens of the Czech Republic: a certificate or confirmation of citizenship;

e) a birth certificate;

f) a military service card;

g) a driving license;

h) a seaman's book;

i) in the case of citizens of the Czech Republic: a document certifying legal capacity to enter into marriage, provided it indicates citizenship of the Czech Republic;

j) self-declaration of the person to be returned made before an authority of the Requesting Contracting Party; in case of refusal by the person to fill in such self-declaration, a written record made by the competent authority and containing the information available;

k) in the case of citizens of the Socialist Republic of Vietnam: a household registration book;

l) any other document recognized by the requested Contracting Party on case by case basis.

Article 2
Manner of notification and communication

(1) Requests for readmission under Article 3 of the Agreement and responses thereto, announcements of readmission under article 4 of the Agreement and the travel documents issued to the returnees shall be sent through the Embassy of the State of the requesting Contracting Party in the territory of the State of the requested Contracting Party. Any other notification and communication relating to the implementation of the Agreement shall be realized directly between the competent authorities.

(2) Specimens of the request for readmission as stipulated in Article 3 of the Agreement, announcement of readmission under Article 4 of the Agreement, self-declaration as stipulated in Article 3 paragraph 2 of the Agreement, and record on readmission referred to in Article 5 of the Agreement shall be attached respectively as Annexes 1, 2, 3 and 4 to this Protocol.

Article 3
Transfer of the returnee

The competent authority of the requesting Contracting Party shall confirm at least 10 days in advance, the transfer of the returnee. At the same time it shall send all information relating to the details of the scheduled flight and in case of readmission under Article 5 paragraph 2 of the Agreement, the information about the escort.

Article 4
Authorities competent to implement the Agreement

(1) The authorities competent to deal with the requests under Article 3 of the Agreement and notifications under Article 4 of the Agreement are:

For the Vietnamese side:

Ministry of Public Security
Immigration Department
40 A Hang Bai St., Hanoi, Vietnam
Phone Number: +84 4 824 5055, 84 4 826 0922
Fax Number: +84 4 824 3288, 84 4 824 3287
E-mail: Vnimm@hn.vnn.vn

For the Czech side:

Police of the Czech Republic
Directorate of the Foreign and Border Police Service
Olšanská 2, P.O.Box 78
130 51 Prague 3
Phone Number: +420 974 841 826
Fax Number: + 420 974 841 839
E-mail: cocpp@mvcr.cz

(2) Authorities referred to in paragraph 1 above shall notify each other without delay of any change in their names, addresses and telephone or fax numbers.

Article 5
Border crossing points designated for implementing the Agreement

Citizens shall be readmitted at the following border crossing points:

- On the Vietnamese side: Noi Bai International Airport, Ha Noi or Tan Son Nhat International Airport, Ho Chi Minh City

- On the Czech side: Prague-Ruzyně Airport

Final provisions

Article 6

The Contracting Parties shall, within thirty days following the entry into force of the Agreement, exchange specimen documents by means of which citizenship of the States of the Contracting Parties can be proved.

Article 7

(1) Where necessary, the competent authorities of the Contracting Parties shall hold consultations on the implementation of the Agreement and this Protocol. Requests for consultations shall be sent to the other Contracting Party through diplomatic channels.

(2) When implementing the Agreement and this Protocol, the competent authorities shall use English in mutual communication, unless otherwise agreed in a specific case.

Article 8

(1) This Protocol shall enter into force concurrently with the Agreement.

(2) This Protocol shall terminate concurrently with the termination of the Agreement.

Done at Prague on this 12 day of 9/2007, in two originals, each in the Vietnamese, Czech and English languages, all texts being equally authentic. In case of difference in interpretation, the English version shall prevail.

For the Government of the Socialist Republic of Vietnam

Dao Viet Trung
Deputy Minister of Foreign Affairs

For the Government of the Czech Republic

Lenka Ptáčková Melčáková
Deputy Minister for European Affairs

Annex 1

REQUEST FOR THE READMISSION OF A CITIZEN OF THE STATE OF THE CONTRACTING PARTY

Authority of the Requesting Contracting Party:
Ref. No.:

Date:
Number of sheets:
Attachments:

Authority of the Requested Contracting Party:

Request for readmission under the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Czech Republic on the readmission of citizens of both States

a) First name, surname, date and place of birth, sex, citizenship and the last place of residence in the territory of the State of the Requested Contracting Party

1. .....
2. .....
3. .....

b) Type, number, place of issue and expiry date of the document proving or used as reference in verifying citizenship of the State of the requested Contracting Party of the citizen to be returned

1.....
2. .....
3 .....

c) Date and manner of entry into the territory of the State of the requesting Contracting Party, if known

1. .....
2. .....
3. .....

d) Data confirming the fact that the citizen to be returned fails to meet or no longer meets the applicable conditions for the entry to or residence in the territory of the State of the requesting Contracting Party (extract of the expulsion order)

1. .....
2. .....
3. .....

e) Indication of the need for special assistance for, treatment of or care for the citizen to be returned with regard to his/her health or age

1. .....
2. .....
3. .....

f) Indication of the need for protective or security measures

1. .....
2. .....
3. .....

g) Proposed place, time and manner of return

Attended by: name, surname, phone number, fax number
Responsible officer: name, surname, phone number, fax number

Decision of the requested Contracting Party: Approved:
Rejected:
Reasons for rejection:
Responsible officer: name, surname, phone number, fax number

Annex 2

ANNOUNCEMENT OF THE READMISSION OF A CITIZEN OF THE STATE OF THE CONTRACTING PARTY

Authority of the Requesting Contracting Party:
Ref. No.:

Date:
Number of sheets:
Attachments:

Authority of the Requested Contracting Party:

Announcement of readmission under the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Czech Republic on the readmission of citizens of both States

a) First name, surname, date and place of birth, sex, citizenship and the last place of residence in the territory of the State of the Requested Contracting Party

1.....
2.....
3.....

b) Type, number, place of issue and expiry date of the document proving citizenship of the State of the requested Contracting Party of the citizen to be returned

1.....
2. .....
3 .....

c) Date and manner of entry into the territory of the State of the requesting Contracting Party, if known

1.....
2.....
3.....

d) Data confirming the fact that the citizen to be returned fails to meet or no longer meets the applicable conditions for the entry to or residence in the territory of the State of the requesting Contracting Party (extract of the expulsion order)

1.....
2.....
3.....

e) Indication of the need for special assistance for, treatment of or care for the citizen to be returned with regard to his/her health or age

1.....
2.....
3.....

f) Indication of the need for protective or security measures

1.....
2.....
3.....

g) Place, time and manner of return

Attended by: name, surname, phone number, fax number
Responsible officer: name, surname, phone number, fax number

Annex 3

SELF-DECLARATION

Self-declaration under the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Czech Republic on the readmission of citizens of both States

Photo
(3,5 cmx4,5 cm without hat)

1. Full name *(In capital letter):*

   Other name *(If any):*

   Sex: Male, Female[1]

   Date of birth: Nationality at birth:

   Place of birth: Nationality at present:

2. Permanent address before leaving Vietnam/the Czech Republic,[1] *(if any) (specify the village, commune, district, province or house number, street, precinct, district, city)*

3. Leaving Vietnam/the Czech Republic[1] on:

   Means of transport:

   Purpose of departure:

   Holding passport or laissez-passer number: Issuing authority:
   Issued on:

4. Arriving in the Czech Republic/Vietnam[1] on:

   Means of transport:

   Purpose of entry:

Annex 4

RECORD ON READMISSION

Authority of the requesting Contracting Party:
Ref. No.:

Authority of the requested Contracting Party:

Record on readmission under the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Czech Republic on the readmission of citizens of both States

a) First name, surname, date and place of birth, sex, citizenship, family relation;

1. .....
2. .....
3. .....

b) Personal effects and sums of currencies which the returned person has on him/her;

1. .....
2. .....
3. .....

c) Health condition of the returned person

(Date) .....
(Place) .....

For the authority of the requesting Contracting Party

First name:
Surname:
Function:

Signature:

For the authority of the requested Contracting Party

First name:
Surname:
Function:

Signature:

Holding passport or laissez-passer number:
Issued on: Issuing authority:

5. Present address in the Czech Republic/ Vietnam[1]

Identity documents:
Issued on: Issuing authority:

6. Relatives in Vietnam or the Czech Republic*(parents, spouses, children)*

No.	Full name	Date of birth	Nationality	Relationship	Permanent address

7. Intended address in Vietnam/the Czech Republic[1] upon return *(specify the village, commune, district, province or house number, street, precinct, district, city)*

8. Other information

Done at On

(Signature and full name)

This is to certify that:[2]

- *photos attached to this self-declaration are the photos of the person requested to be returned and known as (full name).....*
- *this person refuses to complete this self-declaration,*
- *this self-declaration is completed by the competent authority based on the available information*

(Signature and seal)

---

[1] Delete, if unnecessary
[2] To be completed by the competent authority in the case of the person's refusal to complete this self-declaration
Note: 2 copies shall be completed